

Số: 48/2022/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội Hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 608/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức hỗ trợ các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025

1. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025.

2. Mức hỗ trợ

a) Mức hỗ trợ Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Dưới 2.000 triệu đồng/dự án

Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác.

b) Mức hỗ trợ Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Dưới 700 triệu đồng/dự án

Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên các địa bàn khác.

c) Trường hợp một (01) dự án triển khai trên nhiều địa bàn khác nhau thì tỷ lệ phần trăm (%) hỗ trợ cho dự án (T_{tb}) được xác định như sau:

$$T_{tb} = \frac{\sum_{i=1}^n D_i \cdot t_i}{D}$$

Trong đó:

T_{tb} là tỷ lệ (%) của dự án

i là địa bàn thực hiện dự án (xã, thôn).

D_i là chi phí thực hiện dự án trên địa bàn thứ i .

t_i là tỷ lệ phần trăm (%) hỗ trợ trên địa bàn thứ i .

D là tổng chi phí thực hiện dự án.

Điều 2. Quy định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động

1. Đối tượng áp dụng

Hộ nghèo, hộ cận nghèo trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND cấp xã quản lý, đang cư trú trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững có hiệu lực thi hành tối thiểu là 03 năm;

Đối tượng được hỗ trợ nhà ở không bao gồm các hộ đã được hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và các chương trình, đề án, chính sách khác.

2. Mức hỗ trợ

- a) Hỗ trợ xây mới nhà ở: 70 triệu đồng/hộ; trong đó ngân sách trung ương: 40 triệu đồng/hộ, ngân sách tỉnh: 30 triệu đồng/hộ.
- b) Hỗ trợ sửa chữa nhà ở: 35 triệu đồng/hộ; trong đó ngân sách trung ương: 20 triệu đồng/hộ, ngân sách tỉnh: 15 triệu đồng/hộ.

Điều 3. Quy định nội dung, mức hỗ trợ duy trì, vận hành cung cấp dịch vụ thông tin công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của Nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

1. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện duy trì, vận hành cung cấp dịch vụ công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Nội dung: Hỗ trợ trưng bày, giới thiệu và bảo quản xuất bản phẩm in, ấn phẩm truyền thông in; chi quản lý vận hành phục vụ người đọc, xuất bản phẩm điện tử, báo điện tử, các sản phẩm truyền thông khác và sử dụng dịch vụ công trực tuyến tại các điểm giao dịch cung cấp dịch vụ thông tin công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của Nhân dân tại các xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Mức hỗ trợ: 1.790.000 đồng/điểm (xã)/tháng.

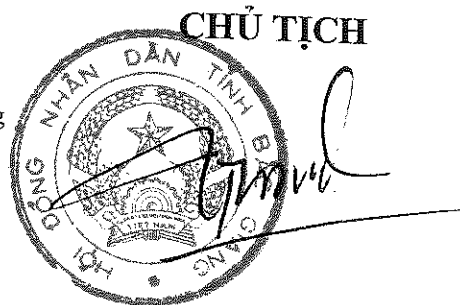
Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025. / *pe*

Nơi nhận: *AM*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Vụ pháp chế các Bộ: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND; UBND các huyện, TP;
- Công thông tin điện tử của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh
- Lãnh đạo, CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.



Lê Thị Thu Hồng

